



ĐỔI MỚI TƯ DUY PHÁP LÝ TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

GS.TS Trần Ngọc Đường*

Ở Việt Nam, sau hơn 60 năm ra đời và tồn tại nhà nước kiểu mới đến nay đã có 4 bản Hiến pháp: Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). Mỗi bản Hiến pháp là một mốc son đánh dấu sự phát triển và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Đặc biệt là Hiến pháp năm 1992 đã chỉ rõ: “Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân” (Điều 2 Hiến pháp). Dựa trên nền tảng tư tưởng của nguyên tắc đó, bộ máy nhà nước nói chung, Quốc hội nói riêng đã có những cải cách đổi mới về tổ chức và hoạt động theo định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phục vụ nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Dưới đây là những đổi mới về tương trợ pháp lý trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội Việt Nam theo Hiến pháp năm 1992 và các luật về tổ chức bộ máy.

1. Đổi mới tư duy pháp lý trong việc xác định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội theo định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân

Hiến pháp năm 1992 tiếp tục khẳng định vị trí của Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng

* Văn phòng Quốc hội.

hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và đảm đương ba chức năng cơ bản là lập pháp, quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước và giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Với ba chức năng đó, Hiến pháp năm 1992 tại Điều 84 đã quy định Quốc hội có 14 nhiệm vụ và quyền hạn. Điểm đổi mới căn bản trong việc quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội theo Hiến pháp năm 1992 là đã bỏ quy định: “Quốc hội có thể tự mình đặt ra những nhiệm vụ và quyền hạn khác khi xét thấy cần thiết” của Hiến pháp năm 1980. Sự thay đổi này thể hiện một tư duy pháp lý mới, tư duy xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Theo đó, mặc dù Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất nhưng cũng phải hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp, chỉ có thẩm quyền xem xét và quyết định những vấn đề đã được Hiến pháp quy định. Cùng với sự đổi mới cơ bản đó, các quy định về thẩm quyền lập pháp, thẩm quyền quyết định và thẩm quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước cũng có những điều chỉnh và quy định mới minh bạch, cụ thể, đúng thẩm quyền hơn như: “Quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh” (khoản 1 Điều 84); “Quốc hội quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia... phân bổ ngân sách nhà nước...” (khoản 3 và 4 Điều 84); chuyển thẩm quyền quyết định việc trưng cầu dân ý thuộc cơ quan thường trực của Quốc hội thành thẩm quyền của Quốc hội như Hiến pháp năm 1946 đã quy định; chuyển thẩm quyền phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước quốc tế chủ yếu thuộc cơ quan thường trực của Quốc hội thành nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội khi có đề nghị của Chủ tịch nước; bổ sung quy định: Quốc hội phân bổ ngân sách trung ương, còn việc phân bổ ngân sách địa phương thì được giao cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Quốc hội quyết định chính sách tôn giáo, phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách Hội đồng Quốc phòng an ninh; bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Vai trò của Quốc hội còn được tăng cường trong việc giao toàn quyền cho Quốc hội xem xét và quyết định các vấn đề về nhân sự cấp cao (không giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội giữa hai kỳ họp như trước đây)... Theo đó, Quốc hội ngày càng thực quyền hơn trong việc thực hiện các chức năng của mình.

2. Đổi mới tư duy về cơ cấu tổ chức của Quốc hội theo hướng nâng cao vai trò và trách nhiệm của các cơ quan của Quốc hội trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội

Các cơ quan của Quốc hội bao gồm Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội. Các cơ quan này đã được Hiến pháp năm 1992 và Luật Tổ chức Quốc hội quy định nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp hơn, minh bạch hơn. Quốc hội muốn hoạt động có hiệu quả, các cơ quan của Quốc hội phải mạnh và làm hết trách nhiệm.

2.1. Về Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hiến pháp bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn

Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ “chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội”. Đây là một điểm bổ sung mới, quan trọng nhằm đề cao trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong hoạt động lập pháp, từ việc chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng luật, thành lập Ban soạn thảo, phân công cơ quan thẩm tra các dự án Luật đến việc cho ý kiến về các dự án này trước khi trình ra Quốc hội. Ủy ban Thường vụ Quốc hội là một thiết chế đặc thù của Quốc hội Việt Nam. Với tư cách là cơ quan thường trực giữa hai kỳ họp của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, theo Hiến pháp năm 1992, tuy còn có quyền ra pháp lệnh nhưng chỉ được phép ra “các pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao”. Như vậy, quyền ban hành pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bị giới hạn và theo hướng giảm dần việc ra pháp lệnh. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ là cơ quan chủ yếu làm nhiệm vụ điều hoà, phối hợp hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban nhằm chuẩn bị cho kỳ họp của Quốc hội có chất lượng và hiệu quả. Với nhận thức mới đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI đã thành lập ba cơ quan chuyên môn trực tiếp trực thuộc giúp việc cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đó là: Ban Công tác đại biểu giúp việc cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác đại biểu Quốc hội, về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội xem xét tư cách đại biểu, giải quyết chế độ chính sách cho đại biểu Quốc hội; Ban Công tác lập pháp phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội trong công tác lập pháp; Ban Dân nguyện phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về công tác dân nguyện.

2.2. Về Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban

Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban là các cơ quan Hiến định nhưng Hiến pháp năm 1992 không hạn chế số lượng các uỷ ban. Vì vậy, theo Luật Tổ chức Quốc hội, Quốc hội khoá IX (1992 - 1997), khoá X (1997 - 2002) và khoá XI (2002 - 2007) có 7 uỷ ban (Ủy ban Pháp luật; Ủy ban Kinh tế và Ngân sách; Ủy ban Quốc phòng và an ninh; Ủy ban Văn hoá, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; Ủy ban Các vấn đề xã hội; Ủy ban Khoa học công nghệ và Môi trường; Ủy ban Đối ngoại). Quốc hội khoá XII có thêm 2 uỷ ban (Ủy ban Pháp luật được tách thành 2 uỷ ban: Ủy ban Pháp luật và Ủy ban Tư pháp; Ủy ban Kinh tế và Ngân sách được tách thành 2 uỷ ban: Ủy ban Kinh tế và Ủy ban Tài chính - Ngân sách). Hội đồng dân tộc và các Ủy ban ngày càng được củng cố và tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Ngoài Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các uỷ ban còn có các đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương và địa phương.

Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội được tham dự các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các phiên họp của Chính phủ bàn về thực hiện

các chính sách dân tộc. Như vậy, Hội đồng Dân tộc không chỉ hoạt động trong phạm vi thẩm quyền của Quốc hội như các uỷ ban của Quốc hội mà còn được tham gia vào các hoạt động của Chính phủ khi quyết định các vấn đề liên quan đến chính sách dân tộc.

Điểm mới trong Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành là đề cao vai trò và ý nghĩa của việc tăng cường mối quan hệ giữa các cơ quan của Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Ví dụ như Luật quy định trách nhiệm của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban tham gia hoạt động thẩm tra các vấn đề về kinh tế và ngân sách với Uỷ ban Kinh tế và Uỷ ban Tài chính ngân sách; tham gia với Uỷ ban Pháp luật trong việc thẩm tra các đề án về thành lập, bãi bỏ các bộ, cơ quan ngang bộ, thành lập mới, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tham gia giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Uỷ ban phụ trách.

Luật Tổ chức Quốc hội cũng đã quy định việc thành lập các tiểu ban trong các uỷ ban và Hội đồng Dân tộc của Quốc hội để nghiên cứu và chuẩn bị các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban. Quy định mới này nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội.

3. Đổi mới tư duy pháp lý về cơ cấu và tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội - nhân tố quyết định nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội

Trước hết, về số lượng, đại biểu Quốc hội các khoá gần đây tăng lên từ khoá IX (1992 - 1997) có 395 đại biểu, khoá X (1997 - 2002) có 450 đại biểu, khoá XI (2002 - 2007) và khoá XII (2007 - 2011) hiện nay có 500 đại biểu. Trong đó, số đại biểu nữ và trẻ tuổi cũng tăng lên đáng kể: khoá IX - 73 đại biểu nữ, khoá X - 118 đại biểu nữ, khoá XI - 136 đại biểu nữ (chiếm gần 30% tổng số đại biểu) và khoá XII - 132 đại biểu nữ. Cùng với số lượng đại biểu tăng lên, cơ cấu đại biểu cũng hợp lý hơn giữa các ngành, các giới, dân tộc, giữa đại biểu công tác ở trung ương và đại biểu hoạt động ở địa phương. Chất lượng đại biểu cũng được nâng lên, số đại biểu có trình độ chuyên môn sâu, có phẩm chất và bản lĩnh chính trị cũng tăng lên đáng kể. Số người tự ứng cử cũng ngày một đông hơn (khoá XI có 13 người tự ứng cử trong tổng số 763 người thuộc danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội, khoá XII có 30 người tự ứng cử trong tổng số 875 người thuộc danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội).

Điểm nổi bật trong cơ cấu đại biểu Quốc hội thời kỳ này là có các đại biểu Quốc hội chuyên trách, nhất là trong nhiệm kỳ khoá XI và khoá XII (khoá XI có 119 đại biểu Quốc hội chuyên trách, chiếm 25%; khoá XII có 145 đại biểu Quốc hội chuyên trách, chiếm 29,41%). Điều đó thể hiện tư duy mới trong việc từng bước chuyển dần Quốc hội sang hoạt động thường xuyên như Nghị viện của nhiều nước có nền dân chủ - pháp quyền trên thế giới. Lần đầu tiên, Luật Bầu cử Quốc hội

năm 2001 đã quy định: cần phải có ít nhất 25% tổng số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Theo hướng đó, đại biểu Quốc hội không chỉ hoạt động chuyên trách tại các cơ quan của Quốc hội mà còn hoạt động chuyên trách tại 64 tỉnh, thành phố ở địa phương, nhờ đó mà chất lượng hoạt động của Quốc hội nói chung, của các cơ quan của Quốc hội nói riêng được tăng cường.

Cùng với việc đổi mới cơ cấu đại biểu Quốc hội, Hiến pháp năm 1992 và các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của Quốc hội cũng đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội và cử tri. Điều 12 Quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội ghi rõ: “Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tiếp xúc cử tri theo chương trình tiếp xúc cử tri của Đoàn đại biểu Quốc hội. Trong trường hợp không thể tham gia tiếp xúc cử tri thì đại biểu Quốc hội báo cáo với Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội.

Đại biểu Quốc hội có thể tiếp xúc cử tri ở nơi cư trú, nơi làm việc. Đại biểu Quốc hội liên hệ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc địa phương nơi cư trú hoặc Ban Chấp hành công đoàn nơi làm việc để tổ chức cho đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri”. Mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội và cử tri đã trở thành mối quan hệ pháp lý, là nghĩa vụ thường xuyên của đại biểu. Nhờ đó mà tâm tư, nguyện vọng của cử tri được thu thập kịp thời, phản ánh tại các kỳ họp Quốc hội, tạo mối quan hệ gắn bó giữa cử tri và Quốc hội.

Tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội trong các lần bầu cử Quốc hội các khoá gần đây như khoá XI, khoá XII cũng có sự đổi mới nhằm tăng cường chất lượng. Ngoài các tiêu chuẩn truyền thống như phẩm chất chính trị, đạo đức như trước đây, Luật Bầu cử quy định: Để trúng cử vào Quốc hội, các ứng viên phải là người có trình độ hiểu biết, năng lực tham gia quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước.

Trong điều kiện đại biểu chưa có điều kiện hoạt động độc lập, lại kiêm nhiệm còn nhiều, Đoàn đại biểu Quốc hội đã ra đời. Tuy không phải là một cơ quan của Quốc hội, nhưng Đoàn đại biểu Quốc hội được coi là một hình thức tổ chức để giúp đại biểu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình như tổ chức cho đại biểu Quốc hội tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, thảo luận dự án luật, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân... Với vai trò đó, các Đoàn đại biểu Quốc hội trong thời kỳ này đã thành lập các Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội. Nhờ đó, hoạt động của đại biểu Quốc hội đi vào nền nếp, chất lượng hoạt động ngày được nâng lên, mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội và địa phương ngày được tăng cường.

4. Đổi mới phương thức hoạt động

Phương thức hoạt động của Quốc hội là cách thức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, trong đó quy trình, thủ tục hoạt động có vị trí đặc biệt quan trọng. Có thể nói, hoạt động của các khoá Quốc hội trong thời kỳ này đã có sự đổi mới mạnh mẽ về phương thức hoạt động, nhất là đổi mới các quy trình và thủ tục thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước. Nhờ đó mà hoạt động của Quốc hội được điều hành có hiệu quả, có chất lượng, nhịp nhàng, thống nhất, thông suốt, minh bạch và dân chủ. Chỉ tính riêng hoạt động lập pháp, Quốc hội khoá IX (1992 - 1997) đã ban hành được 41 Luật, Bộ luật và 43 Pháp lệnh, trong đó có 2 Bộ luật lớn là Bộ luật Dân sự và Bộ Luật lao động; Quốc hội khoá X (1997 - 2002) đã ban hành được 34 Luật, Bộ luật và 40 Pháp lệnh. Quốc hội khoá XI (2002 - 2007) đã thông qua được 84 Luật, Bộ luật, hơn gấp đôi các khoá trước, trong đó có các đạo luật lần đầu tiên ra đời ở Việt Nam như Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Xây dựng, Luật Thủy sản, Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

Cùng với đổi mới quy trình lập pháp, phương thức và cách thức tiến hành kỳ họp Quốc hội cũng thường xuyên được cải tiến, làm cho kỳ họp ngày càng sôi nổi, dân chủ và được nhân dân ngày càng đồng tình ủng hộ. Đặc biệt là hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn được truyền hình trực tiếp, thu hút đông đảo nhân dân theo dõi, đánh giá, đã góp phần nâng cao trách nhiệm và chất lượng hoạt động của Quốc hội lẫn các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền thuộc đối tượng chịu sự giám sát của Quốc hội.

Phương thức hoạt động của đại biểu Quốc hội cũng được đổi mới và hoàn thiện. Theo quy chế hoạt động, các đại biểu Quốc hội trước và sau mỗi kỳ họp đều phải tiến hành các cuộc tiếp xúc cử tri. Phương thức tiếp xúc cũng từng bước đổi mới làm cho quan hệ giữa đại biểu Quốc hội và cử tri gắn bó và có trách nhiệm hơn.

Quan hệ giữa Quốc hội và các thành tố cấu thành hệ thống chính trị cũng không ngừng được đổi mới và phát huy sức mạnh tổng hợp. Trước hết là mối quan hệ giữa Đảng và Quốc hội. Dưới ánh sáng của đường lối Đổi mới, bản thân Đảng cũng đổi mới phương thức lãnh đạo của mình, vì thế mối quan hệ giữa Đảng và Quốc hội cũng được đổi mới, làm cho ý Đảng, lòng dân thống nhất với nhau, vừa phát huy vai trò của Đảng cầm quyền vừa đề cao được Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Quan hệ phối hợp theo luật định giữa Quốc hội và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cũng được tăng cường, đã tạo điều kiện cho Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình có chất lượng và hiệu quả hơn.

Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cũng không ngừng được củng cố và phát triển. Mối quan hệ đó không những được củng cố bằng pháp luật mà còn được tăng cường bằng các quy chế phối hợp trong

việc tiếp xúc cử tri, trong việc thu thập ý chí, nguyện vọng của nhân dân, trong hoạt động lập pháp và giám sát.

5. Định hướng tổng thể về việc tiếp tục đổi mới Quốc hội trong thời gian tới

Định hướng tổng thể về việc tiếp tục đổi mới Quốc hội trong thời gian tới là “Tiếp tục xây dựng một Quốc hội mạnh, thực thi đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn về lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; xứng đáng với vai trò và vị trí là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”. Theo hướng đó cần phải:

– Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban, chuyển trọng tâm hoạt động vào các cơ quan này. Ở đó các công việc trước khi đưa trình Quốc hội phải được bàn bạc một cách kỹ lưỡng, xem xét tập thể, quyết định theo đa số. Cần thành lập thêm một số uỷ ban của Quốc hội để tạo điều kiện cho các uỷ ban chuyên môn hoá hoạt động của mình theo hướng chuyên sâu về các lĩnh vực như tư pháp, tài chính, ngân sách... Đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đặc biệt là các đại biểu Quốc hội chuyên trách có trình độ chuyên sâu, có trách nhiệm và bản lĩnh, có kỹ năng hoạt động đại biểu.

– Tiếp tục dân chủ hoá các hoạt động của Quốc hội, nhân tố cực kỳ quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, làm cho Quốc hội mạnh và thực quyền. Vì vậy, phải tiếp tục đổi mới và tạo mọi điều kiện để các kỳ họp của Quốc hội diễn ra thực sự dân chủ, đúng pháp luật, cung cấp thông tin đầy đủ, đa dạng, nhiều chiều cho đại biểu Quốc hội; tăng cường tranh luận phản biện trong việc xem xét, quyết định các vấn đề tại các kỳ họp. Thu hút quần chúng nhân dân tham gia ngày càng đông đảo vào các hoạt động của Quốc hội, tăng cường mối quan hệ gắn bó và trách nhiệm lẫn nhau giữa đại biểu Quốc hội và cử tri...

– Quốc hội đã và còn đứng trước đòi hỏi phải nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tốt về chất lượng, đầy đủ, đồng bộ về số lượng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội trong điều kiện mở cửa, hội nhập và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân đang tiến hành ở nước ta. Để làm điều đó, phải tiếp tục tăng cường năng lực lập pháp của Quốc hội; phải định hướng chính sách pháp luật rõ ràng, minh bạch và cụ thể trước khi soạn thảo dự án Luật; đồng thời phải tiếp tục đổi mới quy trình lập pháp thực sự khoa học, chặt chẽ, hợp lý, đề cao trách nhiệm của các chủ thể.

– Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động giám sát, mà trước hết là tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội sao cho các quy định pháp lý cụ thể, thủ tục tiến hành rõ ràng, minh bạch hơn. Luật Hoạt động

giám sát của Quốc hội sửa đổi cần xác định rõ phạm vi, nội dung và cơ chế giám sát của Quốc hội, các uỷ ban của Quốc hội. Cùng với việc hoàn thiện cơ sở pháp lý, trong tổ chức thực tiễn hoạt động giám sát cần khắc phục tình trạng giám sát theo chiều rộng mà thiếu chiều sâu theo hướng tập trung giám sát chuyên đề, đặc biệt là giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước; giám sát các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

– Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội gắn bó mật thiết với đổi mới hệ thống chính trị. Một mặt vừa phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng để không ngừng phát huy vị trí và vai trò của Quốc hội trong đời sống nhà nước. Mặt khác, sự đổi mới của Quốc hội có tác dụng sâu sắc đến đổi mới Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan tổ chức hữu quan khác trong hệ thống chính trị nước ta và ngược lại. Vì thế, sự đổi mới đồng bộ của tất cả các thành tố cấu thành hệ thống chính trị là nhân tố đảm bảo cho Quốc hội trở thành một Quốc hội mạnh về lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước.